TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI BÌNH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2024/DS-ST

Ngày 10-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hồ Lệ Hoa

Ông Đinh Chí Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXX-ST ngày 02 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Quách Văn T, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh S (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 09/7/2024 cũng như tại phiên tòa ông Quách Văn T trình bày:*

Vào ngày 19/01/2023 (nhằm ngày 28/12/2022 âm lịch) ông S có hỏi vay của

ông T số tiền vốn 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, thời gian vay 12 tháng, mục đích vay tiền là để ông S chuộc xe. Khi vay tiền ông S có viết biên nhận cho ông T. Từ khi vay tiền đến nay ông S thanh toán cho ông T số tiền lãi 2.000.000 đồng.

Nay ông T yêu cầu ông S thanh toán cho ông T số tiền vốn vay 50.000.000 đồng. Ông S phải trả tiền lãi cho ông T từ khi vay tiền đến ngày 10/9/2024 theo quy định pháp luật với mức lãi là 20%/năm và đối trừ số tiền lãi ông T đã nhận 2.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ T diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Quách Văn T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Minh S có nghĩa vụ thanh toán nợ vay nên đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản; ông S có địa chỉ cư trú tại ấp 3, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông S nhưng ông vắng mặt tại lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông S theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại đơn khởi kiện ông T yêu cầu ông S thanh toán cho ông T tổng số tiền 65.834.000 đồng, trong đó số tiền vay vốn 50.000.000 đồng và lãi suất 20%/năm x 17 tháng với số tiền 15.834.000 đồng. Tại phiên tòa ông T xác định sau khi ông T khởi kiện thì ông S có thanh toán lãi 2.000.000 đồng. Vì vậy ông T yêu cầu ông S thanh toán vốn 50.000.000 đồng, lãi suất 20%/năm kể từ ngày vay đến ngày 10/9/2024 theo quy định pháp luật.

Xét thấy yêu cầu của ông T là có cơ sở. Bởi vì, tại biên nhận đề ngày 28/12/2022 âm lịch do ông T cung cấp thể hiện ông S có nhận số tiền vay 50.000.000 đồng, hạn thanh toán là 01 năm nên hợp đồng vay tài sản giữa ông T và ông S là thực tế có xảy ra. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tống đạt hợp lệ

thông báo thụ lý về việc ông T yêu cầu ông S thanh toán tiền vay nhưng ông S không có văn bản ý kiến và vắng mặt tại buổi hòa giải, xét xử không có lý do.

[4] Xét thấy, việc ông T thừa nhận có nhận của ông S số tiền lãi 2.000.000 đồng và ông yêu cầu điều chỉnh mức lãi suất đối với số tiền vay vốn 50.000.000 đồng theo quy định pháp luật 20%/năm là có cơ sở. Bởi vì tại biên nhận đề ngày 28/12/2022 âm lịch ông S vay tiền của ông T có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng là vượt so với quy định pháp luật. Vì vậy cần điều chỉnh lãi suất cụ thể như sau: Ông S vay tiền ngày 19/01/2023 (nhằm ngày 28/12/2022 âm lịch) đến ngày 10/9/2024 là 19 tháng 22 ngày x 20%/năm với số tiền 16.444.500 đồng. Đối trừ số tiền ông S đã gửi đóng lãi cho ông T 2.000.000 đồng. Số tiền lãi còn lại ông S phải thanh toán cho ông T là 14.444.500 đồng.

[5] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông S phải chịu án phí – Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quách Văn T về việc yêu cầu ông Nguyễn Minh S thanh toán nợ vay.

Buộc ông Nguyễn Minh S có nghĩa thanh toán cho ông Quách Văn T tổng số tiền 64.444.500 đ (Sáu mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm đồng) theo biên nhận ngày 28/12/2022 âm lịch.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của ông Quách Văn T (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Nguyễn Minh S còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh S phải nộp 3.222.000 đ (Ba triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Ông Quách Văn T không phải chịu án phí. Vào ngày 12/7/2024 ông T có dự nộp số tiền 1.646.000 đ (Một triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai số 0016340 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình nay được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ản án hoặc niêm yết công khai bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Lệ Hoa – Đinh Chí Hiển **Nguyễn Kiều Trang**